

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2024/DS-PT.**

Ngày: 16/01/2024.

*“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và ông Nguyễn Đức Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký TAND tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Minh Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 36/2023/TBTL-TA ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Bàn Kim S; sinh năm 1944;

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ (vắng mặt, đã ủy quyền cho anh Bàn Nguyên H).

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Bàn Kim S: Anh Bàn Nguyên H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Bàn Kim S: Ông Phùng Thanh V - Luật sư Văn phòng Luật sư Phùng Thanh V; Địa chỉ: Số nhà 03, tổ 15, phường Minh X, thành phố TQ, tỉnh TQ (có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Triệu Trường K, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Triệu Trường K và ông Triệu Phúc T: Ông Nguyễn Văn Th - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh TQ (có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND huyện NH, tỉnh TQ.

Địa chỉ: TDP 3, TT. NH, huyện NH, tỉnh TQ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Viết H1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

Người được ủy quyền: Ông Ma Quang Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. UBND xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ.

Địa chỉ: Thôn Bản D, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Tiến Ph, chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

Người được ủy quyền: Ông: Nông Văn Ng, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Triệu Thị L, anh Triệu Văn D, anh Triệu Văn C, anh Triệu Văn Kh. Cùng địa chỉ: Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ (Đều vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Triệu Trường K).

Anh Triệu Hồng V, anh Triệu Hồng Ng. Cùng địa chỉ: Thôn Phia Ch, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ. (Đều vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Triệu Trường K).

Anh Triệu Đức T. Địa chỉ: Xóm 26, xã Kim P, Tp.TQ, tỉnh TQ (có mặt);

4. Chị Triệu Thị L. Địa chỉ: Khu 6, xã Dân Q, huyện Tam N, tỉnh PT (vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Bàn Nguyên H).

Bà Hoàng Thị M, anh Bàn Tài Q, chị Đặng Thị Ch, anh Bàn Tài Q1, anh Bàn Tài H1, chị Bàn Thị N1. Cùng địa chỉ: Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ (đều vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Bàn Nguyên H).

Anh Bàn Tài H1. Địa chỉ: Thôn Nà M, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ (vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Bàn Nguyên H).

Chị Bàn Thị Ph. Địa chỉ: Thôn Phia Ch, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ (vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Bàn Nguyên H).

Chị Bàn Thị Kh, chị Bàn Thị Nh, chị Bàn Thị C1. Cùng địa chỉ: Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ (đều vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Bàn Nguyên H)

Chị Bàn Thị Ng. Địa chỉ: Thôn Không M, xã Năng K, huyện NH, tỉnh TQ (vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Bàn Nguyên H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, trình bày tại phiên hòa giải và lời trình bày tại phiên toà ông Bàn Kim S trình bày:

Gia đình ông chuyển về sinh sống tại thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH từ khoảng năm 1960, ông S sống ổn định từ đó cho đến nay. Về nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp với anh Triệu Trường K là do ông tự khai phá vào khoảng năm 1977, diện tích đất ông khai phá khoảng 1.000m². Khi ông khai phá diện tích đất trên là đất hoang không ai quản lý, không có nguồn nước, đến khoảng năm 1978 ông có bắc nước về cải tạo thành ao thả cá, sau khi thả cá được khoảng 02 năm ông thấy có thể trồng lúa được nên ông đã trồng lúa tại diện tích đất này. Ông trồng lúa được khoảng 03 năm nhưng do

không hiệu quả nên ông không trồng lúa nữa. Đến khoảng năm 1990 -1991 ông giao diện tích đất trên cho Hợp tác xã quản lý, Hợp tác xã có giao cho một số hộ dân sử dụng nhưng được 1-2 năm do khó canh tác nên các hộ dân lại bỏ.

Năm 1994 Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là: GCN) cho các hộ dân nên đề nghị các hộ kê khai đăng ký để cấp GCN. Gia đình ông và ông T cùng trao đổi. Mới đầu ông T nói giao cho ông 200m² nhưng ông nói 200m² thì ít qua ông không nhận, phải 500m² ông mới nhận. Sau đó ông và ông T qua quá trình họp thôn nhất trí chia đôi thửa đất trên. Gia đình ông kê khai một nửa, còn gia đình ông T kê khai một nửa. Sau khi kê khai, đăng ký ông đã được UBND huyện NH cấp GCN đất số E 775020, ngày 08/8/1995 mang tên Bàn Kim S. Theo GCN thì thửa đất của ông được cấp là thửa số 201, tờ bản đồ số 13, diện tích 500m², loại đất Hàng năm khác. Đối với diện tích đất ông T kê khai cũng đã được cấp GCN.

Sau khi được cấp GCN ông và con cháu ông sử dụng diện tích đất trên ổn định, liên tục. Đến năm 2015 gia đình ông T, cụ thể là anh Triệu Trường K con trai ông T tự ý vào sử dụng diện tích đất của ông, trước đây hai hộ có làm bờ ruộng để phân chia ranh giới nhưng nay anh K đã phá bờ đi làm mất hiện trạng đất. Quá trình ông sử dụng đất người dân trong thôn đều biết.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Triệu Trường K trả lại cho ông diện tích đất hiện nay anh K đang lấn chiếm, sử dụng của ông. Theo thẩm định là 544 m².

Về giá trị đất tranh chấp ông nhất trí theo đơn giá do Nhà nước quy định (Giá do UBND tỉnh quy định là 41.000 đồng 1m²)

Ngày 07/7/2023, ông Bàn Kim S khởi kiện bổ sung, yêu cầu anh Triệu Trường K bồi thường thiệt hại 2.940 kg thóc do không được canh tác, thu hoạch.

Về chi phí thẩm định thì ông đề nghị anh K phải chịu toàn bộ.

Theo bản tự khai, lời khai, trình bày tại phiên hòa giải và lời trình bày tại phiên toà anh Triệu Trường K trình bày:

Diện tích đất hiện nay đang tranh chấp với ông Bàn Kim S có nguồn gốc là đất của Hợp tác xã thôn Phia Ch quản lý. Năm 1992 Hợp tác xã Phia Ch thực hiện Khoán 10 của Nhà nước tiến hành chia ruộng đất cho các hộ gia đình trong thôn canh tác. Gia đình anh khi đó có 14 khẩu, bố anh là Triệu Phúc T, là chủ hộ được chia cho 1.000m² đất ruộng tại khu Nà C. Hợp tác xã là tổ chức do Nhà nước thành lập. Việc giao cho Hợp tác xã chia là để đảm bảo công bằng.

Diện tích đất gia đình được chia gần nhà của ông Bàn Kim S. Gia đình canh tác, sử dụng từ khi được chia cho đến cuối năm 1994, do bố mẹ anh bị ốm, không đủ sức khỏe, vợ anh mới sinh con, em chú thì đi bộ đội nên nhà neo người không canh tác. Ông S thấy vậy nên hỏi mượn ruộng để canh tác. Do đất gần nhà ông S, ông S lại có quan hệ liên gia (Em cậu của anh là con rể của ông S); ruộng gần ở nhà ông S nên gia cầm nhà ông S gây thiệt hại đến lúa do gia đình anh trồng nên anh nhất trí và đồng ý cho ông S mượn 01 năm. Khi cho mượn anh không nói với bố anh.

Năm 1995, ông S được bầu làm Trưởng thôn, ông lợi dụng gia đình anh (Bố anh) không hiểu biết nên ông S đã kê khai xin cấp GCN đối với diện tích đất mượn của gia đình anh. Bố anh là người không biết chữ, anh thì đi dạy học xa nhà. Ông S đã tự làm

thủ tục để cấp GCN 500m² đất mượn của gia đình anh và làm hộ cho bố anh 500m² đất còn lại. Khi bố anh nhận được GCN thì không để ý là được cấp bao nhiêu mét vuông.

Năm 1997, anh biết được việc ông S đã được cấp GCN đối với diện tích đất đã chia cho gia đình anh, anh đòi lại nhưng ông S không trả mà hứa đến khi nào hết thời hạn sử dụng theo GCN sẽ trả lại cho gia đình anh. Khi gần hết hạn sử dụng theo GCN ông S không trả nên anh đã lấy về sử dụng canh tác từ năm 2018 đến nay. Nay ông S khởi kiện yêu cầu anh trả lại diện tích đất trên anh không nhất trí vì đất của Hợp tác xã chia cho bố anh là ông Triệu Phúc T.

Về giá trị đất tranh chấp anh nhất trí theo đơn giá do Nhà nước quy định (Giá do UBND tỉnh quy định là 41.000đ/1m²).

Anh không sai nên anh không nhất trí trả chi phí thẩm định cho ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị M, anh Bàn Tài Q, chị Đặng Thị Ch, anh Bàn Tài Q1, anh Bàn Tài H1, chị Bàn Thị N1, anh Bàn Tài H1, chị Bàn Thị Ph, chị Bàn Thị Kh, chị Bàn Thị Nh, chị Bàn Thị C1, anh Bàn Nguyên H và chị Bàn Thị Ng tại bản tự khai trình bày:

Bà, các anh và các chị được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo bà, các anh và các chị là người tham gia tố tụng trong vụ án và được thông báo về việc ông T đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bàn Kim S với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13, thôn Phia Ch (Nay là thôn Nà C), xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ.

Bà, các anh và các chị có ý kiến như sau: Thửa đất này là đất nông nghiệp. Ông S và ông T thoả thuận với nhau là nhà ông S lấy ½ phía gần nhà ông S, ông T lấy ½ phía còn lại. Ông T nhất trí nên nhà ông S đắp bờ. Hai bên cùng nhau sử dụng và cùng được cấp giấy chứng nhận với phần đất thống nhất chia nhau, sử dụng.

Năm 2018 anh K đã tự ý phá bờ lấy đất của ông S để canh tác.

Bà, các anh và các chị xác định đất này là của ông S là đúng.

Trước kia đất này giao cho nhà ông S là có phần quyền lợi của bà, các anh và các chị. Bà, các anh và các chị nhất trí việc ông S kiện đòi lấy lại đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà, các anh và các chị nhường quyền sử dụng đất này cho ông S. Bà, các anh và các chị đề nghị Toà án buộc ông K và ai đang chiếm giữ đất phải trả lại cho ông S.

Bà, các anh và các chị không nhất trí việc ông T đề nghị Toà án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S vì do hai bên đã thoả thuận chia đôi đất từ trước khi cấp.

Theo bản tự khai, lời khai, trình bày tại phiên hòa giải ông Triệu Phúc T và lời trình bày tại phiên toà của anh Triệu Trường K trình bày:

Năm 1992, Hợp tác xã Phia Ch thực hiện Khoán 10 của Nhà nước tiến hành chia ruộng đất cho các hộ gia đình trong thôn canh tác, lúc đó gia đình ông có 14 khẩu (nhưng gia đình ông chỉ được chia ruộng cho 13 khẩu, con trai ông là Triệu Trường K là giáo viên nên không được chia đất ruộng). Hộ gia đình ông được chia 1 thửa đất có diện tích 1.000m² tại khu Nà C. Diện tích đất gia đình ông được chia sát cạnh nhà của ông Bàn Kim S. Gia đình ông canh tác, sử dụng từ khi được chia cho đến cuối năm 1994 do vợ chồng ông bị ốm, không đủ sức khỏe nên vợ chồng ông không canh tác được. Con trai ông đang đi bộ

đội (tên là Ng1). Anh K cho ông S mượn đất ruộng để canh tác ông không biết. Việc cho mượn trên cơ sở tình cảm liên gia - em cậu của anh K là con rể của ông S.

Ông khẳng định diện tích đất đang tranh chấp hiện nay giữa ông S và anh K (con trai ông) trước năm 1992 là đất của Hợp tác xã Phia Ch.

Năm 1995, ông S lừa dối đã kê khai xin cấp GCN đối với diện tích đất gia đình ông được chia, tại thời điểm ông S kê khai cấp GCN đối với diện tích đất gia đình ông được chia ông không biết, đến khi ông S khởi kiện ông mới biết. Nay ông đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bàn Kim S.

Trong hồ sơ cấp GCN của ông S ghi nguồn gốc HTX là không đúng. Hợp tác xã chỉ giao cho ông T có 1.000m² thì chỉ cho mượn chứ sao lại cho 500m².

Chị Triệu Thị L, anh Triệu Văn D, anh Triệu Văn C, anh Triệu Văn Kh, anh Triệu Hồng V, anh Triệu Hồng Ng, anh Triệu Đức T tại bản tự khai trình bày:

Các anh và các chị được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các anh và các chị là người tham gia tố tụng trong vụ án và được thông báo về việc ông T đề nghị hủy GCN mang tên Bàn Kim S với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13, thôn Phia Ch (Nay là thôn Nà C), xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ.

Các anh và các chị có ý kiến như sau: Thửa đất này là đất nông nghiệp, Hợp tác xã giao cho gia đình ông T. Gia đình ông T sử dụng nhiều năm. Cuối năm 1994 ông S hỏi con ông T (Là K) mượn ½ diện tích trong 01 năm, K cho mượn. Năm 1995 ông S tự ý kê khai cấp GCN với phần đất mượn.

Các anh và các chị xác định đất này là của nhà ông T được chia. Các anh và các chị không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông S.

Trước kia đất này giao cho nhà ông T là có phần quyền lợi của các anh và các chị. Các anh và các chị nhất trí nhường quyền sử dụng đất này cho ông T.

Các anh và các chị nhất trí việc ông T đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S vì do ông S tự kê khai đề cấp GCN khi ông T không nhất trí, không bàn bạc gì.

Đại diện UBND huyện NH trình bày:

- Về trình tự thủ tục cấp GCN

Ủy ban nhân dân huyện NH cấp GCN cho hộ ông Bàn Kim S là đúng trình tự thủ tục và đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định tại điều 6, điều 12 Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bàn Kim S, ông Triệu Phúc T có đầy đủ theo quy định.

Thực hiện việc giao đất, cấp GCN đất sản xuất cho nhân dân, năm 1994, UBND tỉnh TQ ban hành Quyết định số 214/QĐ-UB để triển khai việc cấp GCN, Công văn số 332 ngày 12/11/1994; Công văn số 140 ngày 02/12/1994; Cơ quan quản lý đất đai đã có các hướng dẫn số 124, hướng dẫn số 110 của ban quản lý ruộng đất để các cơ quan UBND huyện, UBND xã triển khai việc cấp GCN.

Theo bản đồ giải thửa 299 thì thửa đất 201 ban đầu có diện tích là 1.000m². Nhưng khi triển khai việc cấp GCN, qua kiểm tra rà soát thực tế nên cán bộ chuyên môn chỉnh lý trên bản đồ cho phù hợp với thực tế. Việc triển khai rồi cấp GCN cho nhân dân thì ông S, ông T đều biết.

Việc UBND huyện NH cấp GCN là công nhận quyền sử dụng đất hộ dân đang sử dụng chứ không phải chia đất mà so sánh có hộ được cấp GCN nhiều, có hộ được cấp ít. Việc cấp giấy chứng nhận thửa đất số 201 là đất hàng năm khác là theo đúng mục đích sử dụng tại thời điểm cấp. Tại phiên tòa ông K cũng thừa nhận đất đang trồng ngô.

Do đó yêu cầu của ông Triệu Phúc T là không có căn cứ, vì UBND huyện thực hiện việc cấp GCN theo đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng.

Dại diện UBND xã Sơn P trình bày:

Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh TQ về thực hiện Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã Sơn P đã chỉ đạo các thôn tổ chức họp dân, hướng dẫn người dân tự kê khai diện tích đất đã được giao quản lý sử dụng để đề nghị cấp GCN; thành lập Hội đồng xét duyệt cấp xã để tổ chức họp xét cấp GCN cho các hộ gia đình, cá nhân kê khai. Căn cứ hồ sơ tự kê khai của các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ ông Bàn Kim S, Ủy ban nhân dân xã Sơn P cử cán bộ chuyên môn kiểm tra, rà soát. Hội đồng xét cấp GCN tổ chức họp xét; kết quả họp xét đối với các thửa đất đủ điều kiện, không đủ điều kiện được Ủy ban nhân dân xã Sơn P công khai trong thời hạn 15 ngày tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Sau khi hết thời hạn niêm yết công khai, các hộ gia đình không có ý kiến gì, Ủy ban nhân dân xã Sơn P lập tờ trình, trình Phòng Địa chính (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường) thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định cấp GCN cho các hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông Bàn Kim S.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh TQ xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; không hòa giải được và đã đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh TQ quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 163, 164, 166, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Kim S đòi đất do anh Triệu Trường K lấn chiếm tại vị trí đất thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ

2. Buộc anh Triệu Trường K phải trả cho ông Bàn Kim S 544 m² đất thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299), Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH,

tỉnh TQ Đất được giới hạn bởi các điểm 16,17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 16 của sơ đồ kèm theo bản án.

Thời điểm phải trả đất là ngày 01/11/2023.

Ông Bàn Kim S có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc, thẩm định của sơ đồ kèm theo bản án.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Triệu Phúc T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Số E 77502) do UBND huyện NH cấp ngày 08/8/1995 cho ông Bàn Kim S đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299), Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ

4. Tách yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Kim S đòi bồi thường thiệt hại do không được sử dụng đất tranh chấp thành một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện.

5. Anh Triệu Trường K phải trả cho ông Bàn Kim S tiền chi phí tố tụng là 5.408.000đ (*Năm triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023, Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Triệu Trường K với nội dung kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST, ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh TQ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Triệu Trường K trình bày: Không nhất trí bản án sơ thẩm và đề nghị xem xét lại chữ ký trong đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là chữ ký của bố anh là ông Triệu Phúc T.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, anh K trình bày:*

Không nhất trí với bản án sơ thẩm, bởi lẽ: Xác định đất này là của ai, việc cấp đất đúng hay sai, đề nghị Tòa án làm rõ, trả lại cho chủ sử dụng đất hợp pháp. Việc chia cho hộ gia đình nào, chia bao nhiêu m² đất là trên cơ sở có bao nhiêu người lao động trong hộ gia đình đó. So sánh đất nông nghiệp hiện nay theo GCN thì ông S có 1.400m² mà ông T chỉ có 500m².

Nguồn gốc đất ông S có khai phá nhưng đã được đưa vào Hợp tác xã. Sau đó Hợp tác xã giao cho ông T. Việc Hợp tác xã giao đất trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng thể hiện tại Nghị quyết của Bộ chính trị năm 1988, gọi tắt là khoản 10.

Ông T là người không biết chữ nên có ai đó đã giả mạo chữ ký để làm đơn xin cấp GCN với 500m². Đã giả mạo thì không thể khẳng định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng, do vậy ông đề nghị xem xét giám định lại chữ ký của ông T ở cấp cao hơn.

Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Kim S; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Phúc T – Hủy GCN do UBND huyện NH đã cấp cho ông Bàn Kim S đối với thửa đất số 201.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bàn Kim S trình bày: Việc ông S đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1996, ông S vẫn sử dụng ổn định từ khi được cấp giấy đến năm 2018 thì ông K tranh chấp, đã tự ý phá bỏ để sử dụng toàn bộ diện tích đất của ông S là xâm phạm đến quyền lợi của ông S. Đất theo ông S khai là do ông S khai phá, sử dụng không hiệu quả nên giao cho hợp tác xã, nhưng ông T và ông K cho rằng Hợp tác xã đã giao cho khoán 10, sau đó cho ông S mượn. Theo quy định hợp tác xã không có quyền giao đất cho hộ dân và Khoán 10 là văn bản của Đảng chứ không phải văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước.

Về việc hủy giấy chứng nhận: Hồ sơ cấp GCN thể hiện UBND xã, UBND huyện thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc cấp GCN là không trùng lặp, không chồng lấn. Hai gia đình được cấp cùng nhau, cùng ngày và chắc chắn trong thôn sẽ có nhiều gia đình được cấp cùng ngày.

Đối với yêu cầu đề nghị hủy giấy chứng nhận của ông T và người bảo vệ quyền lợi cho ông T, anh K, thấy rằng: Việc ông T anh K và Trợ giúp pháp lý đều cho rằng ông T không được ký vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho mình mà lại đề nghị hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông S là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Triệu Trường K là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Trường K thấy rằng:

Về nguồn gốc đất: Đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước - do Hợp tác xã Phía Ch (xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ) quản lý.

Về việc giao đất, sử dụng đất, cấp GCN: Thực hiện chủ trương của Đảng (Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Năm 1992 Hợp tác xã Phía Ch đã hợp xã viên và chia đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Hộ gia đình ông Triệu Phúc T được Hợp tác xã giao thửa đất số 201 (có diện tích 1.000m²), tờ bản đồ giải thửa số 13, Thôn Phía Ch, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ.

Sau khi được giao đất, gia đình ông T sử dụng trồng lúa khoảng 1 đến 2 năm. Sau đó gia đình ông Bàn Kim S sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất phía gần nhà ông S. Gia đình ông S đắp bờ ruộng ngăn đôi thửa đất. Gia đình ông T sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất phần còn lại. Sau khi đã đắp bờ ngăn thửa đất thành 02 thửa.

Thực hiện chỉ đạo của UBND; Ban quản lý ruộng đất tỉnh TQ, UBND huyện NH đã ban hành quyết định số 110/QĐ-UB ngày 24/9/1994 về việc thành lập Ban chỉ đạo cấp GCN; quyết định số 61/QĐ-UB ngày 26/4/1995 về việc thành lập Hội đồng xét cấp GCN xã Sơn P.

Hội đồng xét cấp GCN của xã Sơn P đã tổ chức thông báo đến các thôn thuộc xã Sơn P về việc cấp GCN; Tiếp đó cán bộ chuyên môn của xã cùng thôn rà soát sự biến động của các thửa đất trên rồi tổ chức cho các hộ gia đình cá nhân kê khai. Sau khi kê khai cán bộ chuyên môn cùng thôn công khai việc kê khai, đăng ký của các cá nhân và hộ gia đình trong đó có hộ ông Bàn Kim S và ông Triệu Phúc T. Các trường hợp đủ điều kiện cấp được UBND xã Sơn P trình qua cơ quan chuyên môn ở huyện và UBND huyện cấp GCN cho các hộ gia đình. Ngày 08/8/1995 UBND huyện NH đã cấp GCN cho ông Bàn Kim S 500m² đất trong số 1.000m² đất thuộc thửa 201 (Trước kia, khi cấp GCN thể hiện là thửa số 201); cấp GCN cho ông Triệu Phúc T 500m² đất trong số 1.000m² đất thuộc thửa số 201 (Trước kia, khi cấp GCN thể hiện là thửa số 201a).

Quá trình triển khai cấp GCN đến khi ông S, ông T nhận được GCN từ năm 1995 qua nhiều năm không ai có khiếu nại gì.

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất: Kết quả đo, vẽ xem xét thẩm định tại chỗ: Xác định diện tích đất tranh chấp là 544m²; diện tích phần bên cạnh ông T được cấp GCN là 500m².

Năm 1992 Hợp tác xã giao đất cho hộ gia đình, cá nhân để nhằm mục đích người được giao đất nông nghiệp phải trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nhưng hộ gia đình ông T không trực tiếp sử dụng đất mà giao cho ông S sử dụng $\frac{1}{2}$. Kiểm tra hồ sơ việc cấp GCN hai hộ gia đình ông S, ông T đều kê khai làm thủ tục - khi đó không có tranh chấp gì và cả 02 ông đều được cấp GCN cùng ngày, tháng, năm.

Hồ sơ cấp GCN do UBND huyện NH thể hiện UBND huyện NH đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền đúng đối tượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất đang tranh chấp và cả với phần 500m² đất còn lại cấp GCN cho ông T theo quy định của khoản 5 Điều 13, Điều 36 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 6, Điều 12 Bảng quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ.

Như vậy, việc UBND huyện NH cấp GCN – công nhận quyền sử dụng đất cho ông Bàn Kim S là có căn cứ. Quyền sử dụng đất được công nhận của ông S được pháp luật bảo vệ theo quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định đất ông S sử dụng bị anh K chiếm có diện tích 544m². Diện tích đất tăng thêm của thửa đất (tăng 44m² so với GCN) Theo ý kiến của UBND huyện NH đủ điều kiện cấp GCN.

Diện tích đất tranh chấp trên là tài sản chung của các thành viên trong hộ gia đình ông S tại thời điểm cấp GCN gồm ông Bàn Kim S, bà Hoàng Thị M, anh Bàn Tài Q, chị Đặng Thị Ch, anh Bàn Tài Q1, anh Bàn Tài H1, chị Bàn Thị N1, anh Bàn Tài H1, chị Bàn Thị Ph, chị Bàn Thị Kh, chị Bàn Thị Nh, chị Bàn Thị C1, anh Bàn Nguyên H và chị Bàn Thị Ng. Những người là đồng chủ sử dụng đất được cấp GCN cùng có ý kiến nhường quyền sử dụng đất này cho ông S.

Từ những phân tích trên Ông S kiện anh K trả lại 544m² đất là có căn cứ cần chấp nhận.

Về tài sản trên đất tranh chấp: Tại thời điểm xét xử phúc thẩm theo trình bày của các đương sự đều thống nhất anh K đang trồng cây ngô. Cây ngô sẽ được thu hoạch, sau khi thu hoạch anh K phải trả đất cho ông S.

Việc cấp GCN của UBND huyện NH cấp cho ông Bàn Kim S đối với thửa đất 201, tờ bản đồ số 13, Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ là đúng trình tự thủ tục và đối tượng, không trái với quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu huỷ GCN của ông Triệu Phúc T là không có căn cứ.

Ông Bàn Kim S có yêu cầu khởi kiện bổ sung (Yêu cầu anh Triệu Trường K bồi thường do không được sử dụng đất) sau khi Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên không được Tòa án xem xét và tách ra thành một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu là đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Trường K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Triệu Trường K.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo: Ngày 06/9/2023, bị đơn ông Triệu Trường K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST, ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo nêu trên là hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Triệu Trường K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về nguồn gốc đất: Đất đang tranh chấp từ trước năm 1992 là đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước - do Hợp tác xã Phia Ch (xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ) quản lý.

- Về việc giao đất, sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 1992, thực hiện chủ trương của Đảng (Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp), của Nhà nước về việc giao đất nông nghiệp

cho hộ gia đình, cá nhân canh tác, sản xuất. Cuối năm 1992 Hợp tác xã Phia Ch đã họp xã viên và chia đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân.

Hộ gia đình ông Triệu Phúc T được Hợp tác xã giao thửa đất số 201 (có diện tích 1.000m²), tờ bản đồ giải thửa số 13, Thôn Phia Ch, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ.

Sau khi được giao đất, gia đình ông T sử dụng trồng lúa khoảng 1 đến 2 năm. Sau đó gia đình ông Bàn Kim S sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất phía gần nhà ông S. Gia đình ông S đắp bờ ruộng ngăn đôi thửa đất. Gia đình ông T sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất phần còn lại. Sau khi đã đắp bờ ngăn thửa đất thành 02 thửa.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh TQ; Ban quản lý ruộng đất tỉnh TQ, UBND huyện NH đã ban hành quyết định số 110/QĐ-UB ngày 24/9/1994 về việc thành lập Ban chỉ đạo cấp GCN; quyết định số 61/QĐ-UB ngày 26/4/1995 về việc thành lập Hội đồng xét cấp GCN xã Sơn P.

Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã Sơn P đã tổ chức thông báo đến các thôn thuộc xã Sơn P về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhân dân biết (Trong đó có thôn Phia Ch trước kia - nay là thôn Phia Ch và thôn Nà C); Tiếp đó cán bộ chuyên môn của xã cùng thôn rà soát sự biến động của các thửa đất trên rồi tổ chức cho các hộ gia đình cá nhân kê khai. Sau khi kê khai cán bộ chuyên môn cùng thôn công khai việc kê khai, đăng ký của các cá nhân và hộ gia đình trong đó có hộ ông Bàn Kim S và ông Triệu Phúc T. Các trường hợp đủ điều kiện cấp được UBND xã Sơn P trình qua cơ quan chuyên môn ở huyện và UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình. Ngày 08/8/1995 UBND huyện NH đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bàn Kim S 500m² đất trong số 1.000m² đất thuộc thửa 201 (Trước kia, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện là thửa số 201); cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Phúc T 500m² đất trong số 1.000m² đất thuộc thửa số 201 (Trước kia, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện là thửa số 201a).

Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thể hiện qua hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời trình bày của nguyên cán bộ địa chính xã Sơn P là ông Hà Thê Z. Quá trình triển khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi ông S, ông T nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều năm không ai có khiếu nại gì. Từ khi ngăn chia thửa đất gia đình ông S cùng gia đình ông T sử dụng ổn định, liên tục đến năm 2013, 2014 xảy ra tranh chấp. Năm 2018 anh K đã phá bờ - tạo ra thửa ruộng rộng và sử dụng liên tục đến nay.

Như vậy, việc anh K tự ý phá bờ để sử dụng toàn bộ thửa đất là xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông S. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập được và trình bày của đương sự, trình bày của chính quyền địa phương và hồ sơ thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho cả hai gia đình cùng thời điểm năm 1995 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc anh Triệu Trường K phải trả 544m² đất cho ông Bàn Kim S là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận như Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá là đúng quy định, lẽ ra trong vụ án này đương sự có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa

án nhân dân tỉnh để xét xử sơ thẩm theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét việc Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, đánh giá chứng cứ và xét xử đã đảm bảo về quyền lợi của đương sự, đúng pháp luật, việc không chuyển thẩm quyền không làm thay đổi nội dung bản chất của vụ án, xong Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

Đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị xem xét trưng cầu giám định lại chữ ký trong đơn kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cấp cao hơn vì không phải là chữ ký của ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng tại cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký của ông T tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TQ nhưng được trả lời: Mẫu cần giám định và mẫu so sánh có thời điểm cách xa nhau, đặc điểm không ổn định nên không đủ cơ sở để kết luận. Tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới chứng minh cho nội dung kháng cáo, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Anh Triệu Trường K là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Trường K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST, ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 163, 164, 166, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Kim S đòi đất do anh Triệu Trường K lấn chiếm tại vị trí đất thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ

2. Buộc anh Triệu Trường K phải trả cho ông Bàn Kim S 544 m² đất thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299), Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ Đất được giới hạn bởi các điểm 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 16 của sơ đồ kèm theo bản án.

Thời điểm phải trả đất là ngày 01/11/2023.

Ông Bàn Kim S có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc, thẩm định của sơ đồ kèm theo bản án.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Triệu Phúc T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Số E 77502) do UBND huyện NH cấp ngày 08/8/1995 cho ông Bàn Kim S đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299), Thôn Nà C, xã Sơn P, huyện NH, tỉnh TQ

4. Tách yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Kim S đòi bồi thường thiệt hại do không được sử dụng đất tranh chấp thành một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện.

5. Anh Triệu Trường K phải trả cho ông Bàn Kim S tiền chi phí tố tụng là 5.408.000đ (*Năm triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Triệu Phúc T được miễn án phí.

Anh Triệu Trường K phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

7. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho anh Triệu Trường K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/01/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- TAND huyện NH;
- CC THA DS huyện NH;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu HS vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hương

Nguyễn Đức Nam

Hồ Thanh Sơn